

Tản mạn trước đèn (Phần VII)

Gánh vàng đi đổ sông Ngô

Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Tương

(ca dao)

Suốt một đời tôi đi tìm sông Tương mà vẫn chưa gặp nó. ở vùng chúng tôi có tổng Tiêu Giang, lại có xã Tương Giang. Ngờ rằng sông Tiêu Tương nằm quanh chỗ ấy. Sen súng um tùm ven bờ tre trong ruộng lúa, ao chuôm, đầm lầy nhiều, có thể đấy là dấu vết của dòng sông cổ tích chẳng. Đám trẻ thì bảo chẳng có sông Tương, nó là ở bên Tàu, người già thì kể có sông Tương nhưng nó chỉ là một con ngòi nhỏ, hát mãi, kể mãi mà thành.

Nhiều năm tôi đi xa, nhưng đi xa mấy rồi có lúc cũng phải quay về, mỗi lần trở về là lại một lần qua nơi ấy, là lại phải bận tâm nghĩ tới một dòng sông nay đã biến mất ngay trước mắt mọi người, từ lúc nào không hay.

Cũng quanh đó lại vẫn đang có làng Thiều Hoa, quê mẹ của cụ Nguyễn Du. Bà là con gái yêu của một viên quan nhỏ, một viên thơ lại tầm thường, làm việc lâu năm trong phủ tể tướng Nguyễn Nghiễm. Năm bà về làm vợ bé của quan tể tướng là chưa đến hai mươi, ngày sinh Nguyễn Du cũng chưa qua tuổi ấy, khi chồng mất đi bà dắt đưa con trai còn đang ở tuổi lên năm lên bảy tới gặp anh trai cả của nó là tể tướng Nguyễn Khản mà nói, tôi đàn bà nông nổi, nay gặp cảnh góa bụa, em anh còn quá trẻ đại, xin nhờ cậy anh cả thay cha dạy dỗ em. Nguyễn Khản cười vang, dìu yên lòng, trong nhà ta rồi ra chỉ có nó thôi đấy, tôi xem chỉ có chú ấy mới là người biết làm rạng danh cho dòng họ nhà mình. Nguyễn sống trong phủ tể tướng, ở phường Bích Câu, trông sang bên kia hồ Văn là cổng lớn Văn Miếu. Ông sớm được gửi vào học hành trong Quốc Tử Giám, tuổi thơ ông là những ngày tháng nhưng lựa nhã nhạc tương bưng.

Nhưng những dòng chữ đầu tiên ông ngồi mài mực để tập tô đã là một câu có hàm ý nhắc nhở nghiêm khắc: Trình môn tuyết lập đặc văn giáo đa thuật hĩ, Huyền chí đường cao thượng tại vịnh cập kiến chi. Có thằng bé đứng ngoài tuyết trước cửa Trình nghe dạy bảo học thuật, lại có người mẹ ngồi ở nhà mòn mỏi ngóng trông con mình sớm nên người.

Lớn thêm vài tuổi nữa, Nguyễn đã phải khoanh tay đứng tựa cột mà đọc thuộc lòng sách Mạnh Tử: Khi ông trời muốn trao trọng trách cho một ai thì trước hết sẽ làm cho khổ cái tâm, mệt cái chí, cùng túng cái thân người ấy, hễ làm gì cũng nghịch với ý muốn, như vậy là cốt để kích động cái tâm, kiên nhẫn cái tính, thêm ích cho những điều chưa hay làm được.

Nguyễn vừa kịp trưởng thành thì dở dang sự học, gia cảnh tan nát, loạn kiêu binh, đến triều chính ba trăm năm còn sụp đổ huống hồ là mấy nhà quan. Ông bỗng hóa ra một anh chàng thất thủ, sau một đêm thành kẻ cầu bơ cầu bất, nghèo túng và trốn lủi triền miên. Rồi lại sau một đêm, đầu Nguyễn bạc trắng. Về sau, khi nhà Nguyễn đã bình

được thiên hạ, ông có được vời ra làm cai bạ Quảng Bình rồi làm Tá thị lang Bộ Lễ, mấy lần đi sứ Trung Quốc, nhưng tính nết vẫn thế, vẫn ậm ừ cả nghĩ, đầu óc đăm đăm những chuyện đầu đầu, làm quan mà không năng nổ chuyên tâm thì dói rách là cái chắc. Đã có lúc ông phải bồng bế sáu bảy mặt con tìm về quê nội ở vùng Nghi Xuân, ngày ngày bám theo đám thợ săn vào núi kiếm cái ăn. Và ông đã ngẩng mặt lên trời mà than: Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên. Là miếng ăn không biết đùa với kẻ sỹ, nó là chuyện hiển nhiên. Từ bấy đến nay đã có trên hai thế kỷ cũng chưa xa xôi gì cho lắm, vậy mà đám con cháu của Nguyễn giờ không làm sao tìm được lấy một người, không ai biết ai lưu lạc nơi đâu, vẫn còn cả đấy nhưng đã lẫn lộn vào cỏ, vào đất, đã thành chúng sinh, thành thảo dân rồi.

Gần đây tôi cùng nhà thơ Nguyễn Hoa tìm về tháp hương nhà thờ cụ Nguyễn Khuyến ở Bình Lục, bước qua cổng nhà cụ là lúc trời sập tối, hàng xóm nhiều nhà đã lên đèn. Bên một trụ cổng vẫn còn lưu giữ một câu ông cụ để lại, chữ nghĩa bị con cháu tô vẽ lệch lạc mất cả nhưng vẫn có thể hiểu được ý tứ: Nơi này rồi Đạo sẽ qua đi, còn lại chỉ là những bụi gai mọc lòa xòa trên bậu tường đất.

Cũng vào thời ấy ở Hà Nam có một ông công sứ Pháp tuổi còn trẻ mà đã giỏi tiếng Việt, không chỉ giỏi tiếng Việt, ông ta còn đọc được cả bia chữ Hán, thơ văn chữ Hán. Vài năm một lần các quan chức Pháp sang cai trị ở ta đều phải dự một lần khảo hạch tiếng Việt, ai qua được thì được đặc cách lên lương sớm. Cái mẹo này khuyến khích người ta chịu khó học, nhiều ông đâm thua thiệt nhưng lắm ông mừng vì lương có cơ lên vùn vụt. Như viên công sứ Hà Nam chẳng hạn. Nhưng giỏi quá dễ kiêu, một hôm ông ta thờ dài bảo, không biết năm nay tìm ai để khảo giám tôi đây. Vừa hay cũng là dịp có cụ Vũ Phạm Hàm từ bên Hải Dương thuyền chuyển về đất Hà Nam làm đốc học. Chuyện ấy đến tai ông cụ. Cuối năm ông cụ được mời đứng ra làm người hỏi thi tiếng Việt cho quan công sứ, gặp nhau ông cụ chỉ nói, quan lớn là người nổi tiếng, khắp Bắc kỳ này ai chả biết học lực tiếng Việt của quan lớn, bây giờ tôi không đòi quan lớn phải dùng đến bút mực làm gì, chúng ta chỉ cần nói chuyện, tôi sẽ hỏi quan lớn một câu ngắn, quan lớn cũng trả lời bằng một câu ngắn thế là đủ, mà tôi cảm quan lớn không được hỏi lại, hỏi lại là quan lớn trượt, quan lớn có bằng lòng không? Quan lớn nghe thế thì bằng lòng quá, ông già này xem ra rất biết điều. Ông già đồng dạc hỏi, xin quan lớn cho biết trong tiếng Việt em gái mẹ gọi là gì? Thì trong tiếng Việt em gái mẹ gọi là dì. Ông công sứ trả lời tấp lự. Nhưng cũng vì là người giỏi tiếng Việt cho nên chỉ vừa thoáng thấy cụ Hàm cười là ông ta chợt vỡ lẽ, mình trượt mất rồi, ông già này bẫy mình mất rồi. Câu trả lời cũng có thể xem là một câu hỏi lại. Về tới dinh, nhìn thấy bà đầm thì ông hoảng thật sự, với ông miếng đòn này đâu có sá gì, nhưng với bà ấy thì lại là chuyện trời sập, còn ghê gớm hơn cả một cuộc chiến tranh.

Bà công sứ vội vã tìm đến nhà riêng cụ đốc học. Đợi bà lau nước mắt kể lẽ xong ông cụ mới chậm rãi bảo, phải để ông nhà hồng thi tôi cũng lấy làm tiếc như bà, có một người Pháp yêu tiếng Việt như ông nhà sao tôi lại không quý. Giờ tôi ra cho bà một điều kiện nho nhỏ, bà làm

được thì xem như ông nhà đổ. Tôi về đây nghe dân tình xì xào là mỗi lần bà ra chợ, qua dãy hàng bún mắm tôm bà đều bịt mũi nhăn mặt tỏ vẻ khó chịu, có phải vậy không? Vậy bà làm sao thì làm. Bà công sứ vui vẻ ra ngay chợ, vui vẻ sà vào hàng bún mắm tôm, chuyện trò rôm rả thân tình. Rồi bà yêu cầu ông chồng phải đến mời bằng được cụ đốc học tới thăm nhà mình một buổi. Ông cụ nhận lời. Vợ chồng công sứ hôm ấy mời ông cụ ở lại cùng họ dùng bữa trưa, chỉ có bún lá và mắm tôm. Suốt bữa bà đầm lầy làm sung sướng với món đặc sản đó. Năm ấy tai qua nạn khỏi, quan công sứ vẫn đỗ, vẫn lên lương như thường. Chẳng qua cũng chỉ là một sự nhắc nhở nhẹ nhàng vậy thôi. Cụ Vũ Phạm Hàm là bạn đồng khoa với cụ Nguyễn Thượng Hiền. Cụ Hiền đỗ Thám hoa còn cụ Hàm đỗ trên một bậc, là Bảng nhãn. Đạo còn ở bên Hải Dương cụ đã cho hai câu đối để trước đền Kiếp Bạc thờ Đức thánh Trần: Kiếp Bạc mỗi sơn giai kiếm khí, lục đầu vô thủy bất thung thanh. Mỗi ngọn núi Kiếp Bạc vẫn như đang tỏa khí thiêng của kiếm quý, ngoài cửa lục đầu không ngọn sóng nào là không vang lên tiếng cộc đóng. Đây là những cây cọc gỗ Bạch Đằng lịch sử.

Cụ Nguyễn Văn Siêu là một người Hà Nội. Cụ chỉ đỗ Phó bảng thời Minh Mệnh, là trên Cử nhân dưới Tiến sĩ, nhưng tài học thì ít ai bằng, thiên hạ xem cụ là thần, thần Siêu thánh Quát. Nhà cụ ở một phố cổ mang tên cụ, phố Nguyễn Siêu. Ngày trước gọi là phố Quan án sát Nguyễn Siêu. Cụ được vời vào cung giữ chức Thái bảo, làm thầy dạy của vua Thiệu Trị, về sau chuyển về làm án sát Hưng Yên. Trước khi làm án sát Hưng Yên cụ còn có mấy năm dừng chân làm án sát Hà Tĩnh. Là nhà nho làm quan lớn, nhưng cũng còn là một nhà văn hóa lớn, sách để lại cho hậu sinh đầy ngập một kệ. Thơ văn của cụ thật giản dị cốt cách, vừa sâu sắc lại vừa phóng túng, hiện đại: Già về xóm cỏ làm dân, về thì mong giữ tấm thân được nhân. Việc đời nát ruột bầm gan, chỉ chưa nở bỏ mấy gian sách nhàu. Trời xanh đội đến bạc đầu, chân lùa gió bụi chẳng màu bùn nhơ. Gọi quan gọi lão cũng ờ, đường xa một tấm thân giờ ta đi.

Tôi thường hay tìm về nhà tổ của cụ ở làng Lũ ngoại thành, chuyện trò cả buổi với anh Tự Huy là cháu đích tôn của cụ. Vườn tược quanh nhà con cháu bán bòn hết, phần mộ cụ ở mé ngoài làng vẫn còn nhưng nay đã nằm gọn trong địa phận một nhà máy, ngày giỗ tết con cháu phải xin phép mới được vào thắp hương. Thế nhưng trong ngôi nhà gỗ to hùng của vua Thiệu Trị ban tặng, bức tranh vẽ cụ vẫn đó, cụ vẫn ngồi đó tay cầm cuốn sách đọc dở dang, có chú hỷ đồng cầm quạt đứng ở mé sau. Trên cao là một bức đại tự với bốn chữ thép vàng: Giang Hán bình linh. Kệ sách cổ thời gian đã làm cho nhàu nát bụi bặm đặt ở sau hàng cột lim.

Một lần tình cờ giờ ra tôi đã tìm được bài thơ tuyệt vời của cụ, cứ theo lối nói của bây giờ thì đó chính là một áng văn đậm đà bản sắc dân tộc, tôi cũng xin chép nó ra đây: Hà sự đồng ca hồ hải khoan, hồ hải sinh nhân hồ hải hoan... Sao cứ cùng nhau hát hồ hải khoan, từ sóng biển sinh ra nên vui cùng sóng biển chăng? Chuyển trước vừa thấy ra khơi nay lại vào ghềnh thác, tưởng kết hậu rồi chợt lại cất lên. Chị trẻ bến Đông, rồi bà lão bến Tây, giọng nam trầm hùng, giọng nữ lãnh lót,

những khúc ca nước Ngô nước Tần làm sao sánh kịp, những giai điệu phương Nam nhịp phách phương Nam, khiến ta nghe lòng vui cùng năm tháng, bạn hãy cùng ta cao hứng lên, sóng gió biển Đông không khi nào ngừng, lau sậy ven bờ vẫn ngoi tràn mặt nước, thì đừng làm nhảm mãi những khúc hề trừ ly tá. Nay, tai ta giờ chỉ còn nghe thấy hò hụi khoan, mắt ta giờ chỉ đắm đắm hướng thuyền.

Chắc hẳn cụ Siêu đã viết bài này vào những năm làm quan trong Hà Tĩnh. Tôi tưởng chả nên bàn gì thêm nữa. Ông cụ đã nói cả rồi, mà nói hay lắm rồi.

Đêm đêm trước đèn mình thức với mình, tôi vẫn mung lung đi tìm cái dòng Tương muôn thuở ấy, tôi vẫn tin là đang có nó, nó vẫn đang chảy trong lòng đời sống dân tộc. Nó là dòng sông của thi ca, và tình yêu, là nguồn cảm hứng vô tận để chúng ta sống và sáng tạo, là nguồn sáng trí tuệ đáng tin cậy nhất trong sứ mệnh dẫn đường.

Hà Nội, tháng 8 năm 2004

(Văn nghệ Trẻ)